TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q.HẢI CHÂU - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/02/2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Minh Thông**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Đặng Công Tâm và ông Nguyễn Văn Sanh**
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: Bà **Trương Thị Thùy Dương** - Kiểm sát viên.
- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Anh Đào**- Cán bộ TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự :

- *Nguyên đơn*: Bà **Lê Thị Thương H** - sinh năm 1970.
- *Bị đơn*: Ông **Vũ Hữu N** - sinh năm: 1963

Cùng nơi ĐKHKTT và chỗ ở: K**/** Lý Thường Kiệt, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

(Bà H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Ông N vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07.10.2022, Bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn là bà Lê Thị Thương H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Vũ Hữu N kết hôn vào ngày 13/5/1996, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Thời gian đầu, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc nhưng một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau và thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ thời điểm phát sinh mâu thuẫn, bà và ông N cũng đã nhiều lần cố gắng trao đổi và nói chuyện với nhau để hàn gắn gia đình nhưng tình cảm vợ chồng không còn nên không mang lại kết quả gì. Tình trạng mâu thuẫn diễn ra kéo dài và ngày càng căng thẳng, nghiêm trọng khiến cả hai không ai quan tâm đến ai và đã ly thân từ khoảng năm 2018

đến nay. Bà nhận thấy vợ chồng không còn yêu thương nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Vũ Hữu N.

- Về con chung: Bà Lê Thị Thương H xác định, bà và ông N có 02 con chung tên là Vũ Hữu T, sinh ngày: 15/10/1995 và Vũ Hữu H2, sinh ngày: 17/02/2002.

Do các con chung đều đủ tuổi trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: bà Lê Thị Thương H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 19/01/2024, bà Lê Thị Thương H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Vũ Hữu N đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung có tranh chấp trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn, Đại diện Viện kiểm sát xác định, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng quy định của pháp luật. Việc bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là không tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của của bà Lê Thị Thương H đối với ông Vũ Hữu N.

- Về con chung: Các con chung của bà H và ông N đều đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Nguyên đơn – bà Lê Thị Thương H không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

- Về tài sản chung: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

- Về nợ chung: Do nguyên đơn xác định không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị Thương H có đơn khởi kiện về việc ly hôn đối với ông Vũ Hữu N. Bị đơn là ông Vũ Hữu N có nơi cư trú trên địa bàn quận

Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã cấp, tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn là ông Vũ Hữu N. Tuy nhiên, ông Vũ Hữu N đều vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị Thương H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Vũ Hữu N vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thường H và ông Vũ Hữu N kết hôn với nhau vào năm 1996, đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện cũng như thủ tục theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Thương H vẫn cương quyết xin được ly hôn. Theo bà H, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau và thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ thời điểm phát sinh mâu thuẫn, bà và ông N cũng đã nhiều lần cố gắng trao đổi và nói chuyện với nhau để hàn gắn gia đình nhưng tình cảm vợ chồng không còn nên không mang lại kết quả gì. Tình trạng mâu thuẫn diễn ra kéo dài và ngày càng căng thẳng, nghiêm trọng khiến cả hai không ai quan tâm đến ai và đã ly thân từ khoảng năm 2018 đến nay. Bà nhận thấy vợ chồng không còn yêu thương nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Vũ Hữu N.

Về phía ông Vũ Hữu N, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án cấp, tống đạt hợp lệ nhưng ông N đều vắng mặt. Ngày 20/10/2023, Tòa án nhận được 02 văn bản trình bày của ông Vũ Hữu N nhưng không có tiêu đề và ngày, tháng, năm lập.

Văn bản thứ nhất có nội dung: *"...Hiện nay, sức khỏe tôi không được tốt và con lớn của tôi chuẩn bị xây dựng gia đình. Vậy tôi đề nghị Tòa xem xét cho hoãn xử lý vụ này cho tới khi xây dựng xong gia đình..."*

Văn bản thứ hai ông Vũ Hữu N trình bày nội dung về việc gia đình ông có ký Hợp đồng xây dựng nhà với Công ty TNHH Nam Tiến FNT. Địa chỉ: 33 Hoàng Dư Khương,

thành phố Đà Nẵng do ông Nguyễn Văn N làm Giám đốc. Tuy nhiên, ông N không trình bày cụ thể ông yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì.

Tòa án đã hai lần triệu tập ông Vũ Hữu N để lấy lời khai về những vấn đề có mâu thuẫn trong vụ án nhưng ông N đều vắng mặt và không có lý do về việc vắng mặt.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh Vũ Hữu T và anh Vũ Hữu H2 cùng có nội dung: *"...Qua nắm bắt thông tin thì cha tôi là ông Vũ Hữu N có văn bản gửi Tòa án trình bày về việc xin hoãn thực hiện các thủ tục để tiến hành ly hôn vì lý do sức khỏe và các con sắp lập gia đình. Hiện tại và trong thời gian sắp đến tôi chưa có ý định lập gia đình nên việc cha tôi trình bày như vậy là không có cơ sở. Đồng thời, cha tôi thường xuyên uống rượu, đe dọa mẹ tôi nên việc lấy lý do sức khỏe là không chính đáng..."*

Tại phiên tòa hôm nay, ông N tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do thể hiện ông N không có thiện chí và không mong muốn đoàn tụ gia đình với bà H.

Xét thấy, lời trình bày của bà Lê Thị Thương H về tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông N là có cơ sở, mâu thuẫn giữa hai người đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông N nêu lý do về sức khỏe và các con chuẩn bị xây dựng gia đình để đề nghị hoãn việc ly hôn là không có cơ sở nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Thương H đối với ông Vũ Hữu N.

[3.2] Về con chung: Bà H xác định có 02 con chung là: Bà Lê Thị Thương H xác định, bà và ông N có 02 con chung tên là Vũ Hữu T, sinh ngày: 15/10/1995 và Vũ Hữu H2, sinh ngày: 17/02/2002.

Do các con chung đều đủ tuổi trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3.3] Về tài sản chung: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[3.4] Về nợ chung: Do nguyên đơn xác định không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về án phí: Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Lê Thị Thương H phải chịu;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Ly hôn"* của bà Lê Thị Thương H đối với ông Vũ Hữu N.

Xử :

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị Thương H được ly hôn với ông Vũ Hữu N.

2. Về con chung: Các con chung đều đủ tuổi trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm bà Lê Thị Thương H phải chịu là 300.000 đồng; nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp tại biên lai thu số 0001211 ngày 05/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Tr-êng hîp QuyÕt ®Þnh thi hµnh theo quy ®Þnh t¹i §iÒu 2 LuËt thi hµnh ¸n d©n sù th× ng-êi ph¶i thi hµnh ¸n d©n sù cã quyÒn tháa thuËn thi hµnh ¸n, quyÒn yªu cÇu thi hµnh ¸n, tù nguyÖn thi hµnh ¸n hoÆc bÞ c-ìng chÕ thi hµnh ¸n theo quy ®Þnh t¹i c¸c §iÒu 6, 7 vµ 9 LuËt thi hµnh ¸n d©n sù; thêi hiÖu thi hµnh ¸n ®-îc thùc hiÖn theo quy ®Þnh t¹i §iÒu 30 LuËt thi hµnh ¸n d©n sù.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường Tân Chính
Số 66, Quyển số 1/96;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Thông